

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-PT

Ngày: 14 - 02 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi tài sản, bồi thường thiệt hại
về danh dự, tổn thất tinh thần

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 01 và 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 697/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản, bồi thường thiệt hại về danh dự, tổn thất tinh thần”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 529/2024/QĐ-PT, ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 591/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc V, sinh năm 1991; địa chỉ: số I đường L, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/01/2025), có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn C - Chi cục trưởng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Nguyễn Văn S; bị đơn bà Trần Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Đặng Quốc V trình bày:*

Ngày 30/4/2014, bị đơn bà Trần Thị Kim T có vay của nguyên đơn số tiền 279.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, bà T ký xác nhận vào giấy vay tiền. Khi hết thời hạn trả nợ, nguyên đơn đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thanh toán tiền vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Kim T trả cho nguyên đơn số tiền vay là 279.000.000 đồng. Ngày 28/7/2014, giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trần Thị Kim T đã thỏa thuận được việc tranh chấp nên Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã lập biên bản hòa giải thành, ghi nhận nội dung thỏa thuận của các đương sự như sau: *“Bà Trần Thị Kim T đồng ý thanh toán số tiền vay cho ông Nguyễn Văn S là 279.000.000đ. Về án phí bà T và ông S mỗi người tự nguyện nộp 3.487.500đ”*. Ngày 05/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành Quyết định số 405/2014/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại biên bản hòa giải thành ngày 28/7/2014. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện D tổ chức thi hành xong năm 2019, số tiền bà T phải thi hành cho ông S là 399.745.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) kể cả lãi suất.

Từ lúc khởi kiện đến khi thi hành án xong, bị đơn là bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán xong số tiền vay 279.000.000 đồng nên ông S cho rằng “Giấy trả tiền và nhận tiền” ngày 20/5/2014 mà bà T dùng làm căn cứ đề nghị kháng nghị tái thẩm cho rằng đã trả tiền xong cho ông S vào ngày 20/5/2014 là không có căn cứ. Tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp cho Tòa án là có vấn đề, toàn bộ nội dung trên giấy này không phải do ông S trực tiếp ghi ra, có thể lợi dụng các thủ đoạn làm giả hoặc giả mạo để trục lợi. Thời gian giấy trả nợ chỉ sau 20 ngày kể từ ngày vay mà bà T đã trả tiền cho ông S thì lúc khởi kiện ra Tòa án bà T phải trình bày về việc đã trả tiền, lập giấy trả tiền nợ nhưng bị thất lạc giấy trả tiền chứ sao lại đồng ý trả nợ và xin trả nợ thành 02 đợt. Sau khi thi hành án xong 05 năm sau là đến năm 2019 bà T mới làm đơn yêu cầu tái thẩm, sau đó Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng bị hủy, vụ án được giải quyết lại từ đầu. Mặc dù Kết luận giám định số 136/KL-KTHS(TL) ngày 14/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định chữ ký trong

“Giấy trả tiền và nhận tiền” ngày 20/5/2014 là của ông S nhưng ông S vẫn xác định ông S không ký tên và hoàn toàn chưa nhận số tiền thanh toán nào từ bà T. Ông S không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T.

* Bị đơn là bà Trần Thị Kim T trình bày: Bị đơn thừa nhận ngày 30/4/2014 có vay số tiền 279.000.000 đồng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và có ký tên xác nhận vào giấy vay tiền cho ông S. Ngày 20/5/2014, bà T đã trả lại cho ông S toàn bộ số tiền vay 279.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu đồng), ông S có ký tên xác nhận việc trả tiền của bà T. Khi ông S khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhưng do bà T làm thất lạc giấy trả tiền ngày 20/5/2014 nên bà T đành chấp nhận trả cho ông S số tiền 279.000.000 đồng theo giấy vay tiền ông S làm chứng cứ khởi kiện, từ đó mới có việc Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 ghi nhận sự tự nguyện của bà T thanh toán nợ cho ông S số tiền 279.000.000 đồng. Quyết định này sau đó được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng thi hành, đã kê biên phát mãi, bán đấu giá tài sản của bị đơn để thi hành án cho ông S số tiền là 399.745.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) kể cả lãi suất. Năm 2022, bà T đã tìm được “Giấy trả tiền và nhận tiền” đề ngày 20/5/2014 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn S nên đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

Tại Bản án giám đốc thẩm số 123/2022/DS-TT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng do xuất hiện chứng cứ mới, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Quá trình Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý lại vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim T có đơn phản tố đối với nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho bà T số tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D đã cưỡng chế, phát mãi tài sản của bà T để thi hành án cho ông S là 399.745.500 đồng cộng với số tiền lãi suất của khoản tiền này tính từ ngày 30/10/2019 đến ngày 31/10/2023 (ngày ông S được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng chi tiền thi hành án đến ngày Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý lại vụ án) là 48 tháng x 01%/tháng x 399.745.500 đồng = 191.877.848 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 591.623.340 đồng (năm trăm chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

2. Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải bồi thường danh dự, tổn thất tinh thần cho bà T từ năm 2019 đến nay là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng), lý do: Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện và thi hành án của nguyên đơn, tài sản của bà T đã bị Chi cục Thi hành án huyện Dầu Tiếng cưỡng chế để thanh toán cho ông S. Bà T đã bị khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng, thậm chí muốn tìm đến cái chết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng trình bày:*

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 03/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng tổ chức thi hành xong từ năm 2019. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương không có ý kiến gì. Đồng thời, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương cũng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xem xét việc giải quyết, xét xử vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại Kết luận giám định số 136/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: chữ ký mang tên “Trần Thị Kim T” và “Nguyễn Văn S” dưới mục “người trả tiền ký”, “Người nhận tiền ký” trên “Giấy trả tiền và nhận tiền”, đề ngày 20/5/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Thị Kim T và Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M9) do cùng một người ký ra. Đồng thời, nguyên đơn ông S xác định, thừa nhận chữ ký trên giấy trả tiền và nhận tiền là của nguyên đơn ông S nhưng không thừa nhận các nội dung trên giấy trả tiền và nhận tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đối với bị đơn bà Trần Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Kim T số tiền 399.745.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản, bồi thường thiệt hại về danh dự, tổn thất tinh thần” đối với số tiền lãi là 191.877.848 đồng (một trăm chín mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền tổn thất tinh thần, danh dự là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

4. Chi phí tố tụng: chi phí giám định tổng số tiền là 5.530.000 đồng (năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: ông Nguyễn Văn S đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà Trần Thị Kim T đã nộp 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn S phải chịu toàn bộ. Do đó, ông Nguyễn Văn S phải nộp tiếp số tiền 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S phải nộp số tiền 19.987.275 đồng (mười chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Bà Trần Thị Kim T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Ông Nguyễn Văn S nộp lại số tiền 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) để hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T.

Sau khi có bản án sơ thẩm:

Ngày 01/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T về việc buộc nguyên đơn trả lại số tiền đã thi hành án là 399.745.500 đồng.

Ngày 02/10/2024, bị đơn là bà Trần Thị Kim T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn: buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 399.745.500 đồng và số tiền lãi của khoản tiền này là 191.877.848 đồng và bồi thường danh dự, tôn thất tinh thần là 350.000.000 đồng, tổng cộng 941.623.348 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị Kim T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho bà T số tiền án phí bà T đã nộp theo Quyết định số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng là 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) là chưa đúng quy định cần sửa phần này của bản án theo hướng bà T được hoàn trả số tiền án phí 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trần Thị Kim T trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi Quyết định giám đốc thẩm số 123/2022/DS-TT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử tái thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng không xác minh kết quả thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng về khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã nộp (6.975.000 đồng) để thực hiện thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là vi phạm Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau khi thụ lý lại vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kim T có đơn yêu cầu phản tố và được miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng chưa hoàn trả số tiền 3.487.500 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S theo Biên lai thu số 03754 ngày 17/7/2014 và Phiếu chi số PC002873 ngày 13/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cần hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về nội dung tranh chấp giữa các đương sự là đúng quy định pháp luật, việc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm thì cũng không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên việc hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Trần Thị Kim T thanh toán số tiền đã vay của ông S ngày 30/4/2014 là 279.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014, nội dung quyết định: bà Trần Thị Kim T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn S số tiền vay là 279.000.000 đồng. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 đã được thi hành xong. Theo đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đã cưỡng chế, kê biên bán đấu giá tài sản của bà T để thi hành án cho ông S số tiền gốc và lãi chậm thi hành án là 399.745.500 đồng. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 123/2022/DS-TT ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử tái

thẩm, kết quả hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng do bị đơn bà T cung cấp được chứng cứ mới là “*Giấy trả tiền và nhận tiền*” đề ngày 20/5/2014, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm lần hai bị đơn bà Trần Thị Kim T có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải trả lại số tiền 399.745.500 đồng của nguyên đơn đã bị cưỡng chế thi hành án cho nguyên đơn ông S và tiền lãi suất của số tiền trên từ khi ông S nhận tiền tại cơ quan thi hành án đến thời điểm Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm ngày 31/12/2022 là 191.877.848 đồng. Yêu cầu ông S bồi thường danh dự, tổn thất tinh thần là 350.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 279.000.000 đồng do bị đơn bà Trần Thị Kim T xác lập ngày 30/4/2014: trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm năm 2014 thì ngày 28/7/2014, chính bị đơn là bà T thừa nhận nợ và chấp nhận thanh toán cho ông S số tiền 279.000.000 đồng chia thành 02 đợt: ngày 25/8/2014, thanh toán 79.000.000 đồng và ngày 16/3/2015 thanh toán số tiền còn lại 200.000.000 đồng. Số tiền này đã được thi hành xong cho ông S vào năm 2019 kể cả tiền lãi chậm trả là 399.745.500 đồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm lần hai, bị đơn là bà T đã chứng minh được tài liệu, chứng cứ là “*Giấy trả tiền và nhận tiền*” đề ngày 20/5/2014 có chữ ký nhận của ông S. Tài liệu, chứng cứ này đã được giám định tại Phòng K Công an tỉnh B và kết luận là chữ ký của ông S, tại Tòa án cấp sơ thẩm lần hai ông S cũng đã thừa nhận chữ ký trong tài liệu nói trên do ông S tự ký ra. Do vậy, có căn cứ xác định số tiền 279.000.000 đồng do bà T vay của ông S ngày 30/4/2014 đã được thanh toán xong. Ông S nhận số tiền 399.745.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng từ việc bán đấu giá tài sản của bà T để cưỡng chế thi hành án là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trả lại cho bà T số tiền 399.745.500 đồng là đúng quy định pháp luật.

[4] Về Kết luận giám định số 136/KL-KTHS(TL) ngày 14/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B xác định chữ ký, chữ viết mang tên “Trần Thị Kim T” và “Nguyễn Văn S” dưới mục “người trả tiền ký”, “người nhận tiền ký” trên “*Giấy trả tiền và nhận tiền*” đề ngày 20/5/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Thị Kim T và Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M9) do cùng một người ký ra. Quá trình tố tụng ông S thừa nhận chữ ký trong văn bản “*Giấy trả tiền và nhận tiền*” đề ngày 20/5/2014 do bà T cung cấp nhưng ông S nghi ngờ về thời gian ông S ký vào văn bản trên không phải ngày 20/5/2014 nên có yêu cầu Phân viện Khoa học hình sự phía Nam thuộc Bộ C1 giám định tuổi mực nhằm xác định thời gian ra đời của văn bản “*Giấy trả tiền và nhận tiền*” mà bà Trần Thị Kim T cung cấp. Tại Công văn số 837/C09B ngày 17/7/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C1 trả lời về việc từ chối thực hiện giám định với lý do hiện nay Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định tuổi mực và thời gian xác

lập trên tài liệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ giám định tuổi mục theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T về việc tính lãi phát sinh từ ngày 30/10/2019 đến ngày 31/10/2022, tương đương 12 tháng mỗi tháng 1%, tổng số tiền lãi là 191.877.848 đồng và bồi thường thiệt hại về danh dự, tổn thất tinh thần cho bị đơn số tiền 350.000.000 đồng, tổng cộng 541.877.848 đồng. Việc bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 279.000.000 đồng và được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 là sự tự nguyện của bị đơn, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình nên theo quy định pháp luật thì bị cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản theo quy định pháp luật nên yêu cầu của bị đơn đối với số tiền lãi và tiền tổn thất tinh thần, danh dự nêu trên là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận phần yêu cầu phản tố này của bị đơn là có căn cứ.

[6] Cả nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trần Thị Kim T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[7] Đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm trước đây bị đơn bà Trần Thị Kim T đã nộp theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng là 3.487.500 đồng theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0008268 và số 0008269 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng tuyên buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại số tiền án phí 3.487.500 đồng do bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng đã nộp vào ngân sách Nhà nước cho bà T là chưa đúng quy định pháp luật vì số tiền này ông S không chiếm giữ của bà T. Cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí: bà Trần Thị Kim T được nhận lại số tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0008268 và số 0008269 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng là 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[8] Từ phân tích tại mục [1.3] và [7] đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn Nguyễn Văn S phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Bị đơn bà Trần Thị Kim T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 92, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 161, Điều 293, Điều 294, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 116, 117, 166, 463, 466, 468, 470, 584, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Trần Thị Kim T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2024/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đối với bị đơn bà Trần Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải trả lại cho bà Trần Thị Kim T số tiền 399.745.500 đồng (ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Kim T đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn S về việc “Tranh chấp đòi tài sản, bồi thường thiệt hại về danh dự, tổn thất tinh thần” đối với số tiền lãi là 191.877.848 đồng (một trăm chín mươi một triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền tổn thất tinh thần, danh dự là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

2.4. Chi phí tố tụng: chi phí giám định tổng số tiền là 5.530.000 đồng (năm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó: ông Nguyễn Văn S đã nộp

2.000.000 đồng (hai triệu đồng), bà Trần Thị Kim T đã nộp 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn S phải chịu toàn bộ. Do đó, ông Nguyễn Văn S phải nộp tiếp số tiền 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S phải nộp số tiền 19.987.275 đồng (mười chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), được trừ vào số tiền án phí ông S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng theo nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 405/2014/QĐST-DS ngày 05/8/2014 là 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng), ông Nguyễn Văn S còn phải nộp số tiền 16.499.775 đồng (mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 3.487.500 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0008268 ngày 09/8/2017 và Biên lai thu số 0008269 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000544 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Miễn án phí phúc thẩm cho bà Trần Thị Kim T.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Thanh